

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2022/KDTM-ST

Ngày: 09/08/2022

V/v tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Lưới.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Nga

2. Bà Nguyễn Thị Nguyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thanh Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hiền - Kiểm sát viên

Ngày 09 tháng 08 năm 2022 tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 12/2021/TLST-KDTM ngày 22 tháng 02 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 227/2022/QĐXXST-KDTM ngày 20/06/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 204/2022/QĐST-KDTM ngày 13/07/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty cho thuê tài chính TNHH C

Địa chỉ: Đường T, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông W – Tổng Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Diệp Yến B – Trưởng phòng thu hồi công nợ, (văn bản ủy quyền lập ngày 01/04/2020).

Người đại diện theo ủy quyền (ủy quyền lại): Ông Tiêu Quang L, sinh năm: 1998

Địa chỉ: Đường T, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, (văn bản ủy quyền lập ngày 04/01/2021), (có mặt).

2. Bị đơn: Công ty TNHH S

Địa chỉ: Ấp A, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Xuân Đ – Giám đốc, (vắng mặt)

Địa chỉ: Đường C, Phường A, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Xuân Đ, sinh năm: 1979, (vắng mặt).

3.2. Bà Nguyễn Ngọc Anh T, sinh năm: 1984, (vắng mặt).

Địa chỉ: Đường T, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.3. Ông Nguyễn Xuân P, sinh năm: 1976, (vắng mặt).
Địa chỉ: Đường N, phường S, quận T, TP. Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 04/01/2021, bản tự khai ngày 26/05/2021 và trong quá trình xét xử, đại diện của nguyên đơn trình bày:

Công ty cho thuê tài chính TNHH C (Công ty C) là tổ chức tín dụng phi ngân hàng có chức năng cho thuê tài chính theo quy định của pháp luật Việt Nam. Công ty TNHH S (Công ty S) là khách hàng thuê tài chính của Công ty C.

Do Công ty S có nhu cầu sử dụng máy móc, thiết bị để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của mình và đề nghị Công ty C tài trợ tài chính nên hai bên đã ký Hợp đồng cho thuê tài chính số C180915302 vào ngày 25/09/2018 (Hợp đồng thuê). Theo đó, tài sản mà Công ty S có nhu cầu thuê tài chính là: 02 Máy đèn nhựa PVC. Ngoài ra, để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán tiền thuê của bên thuê trong Hợp đồng thuê, Công ty C có chấp nhận Thư bảo lãnh cá nhân của Ông Nguyễn Xuân Đ, bà Nguyễn Ngọc Anh T và ông Nguyễn Xuân P ký ngày 25/09/2018.

Để thực hiện Hợp đồng thuê, Công ty C đã ký hợp đồng mua bán số C180915302-PC ngày 25/09/2018 với chính Công ty S để mua Tài sản thuê nêu trên với giá là 1.023.000.000 đồng. Ngày 22/10/2018, Công ty S đã xuất Hóa đơn giá trị gia tăng số 0044454 cho Công ty C. Ngày 26/10/2018, Công ty S đã ký Giấy chứng nhận nghiệm thu Tài sản thuê. Tổng giá trị của Tài sản thuê là 930.000.000 đồng. Trong đó, Công ty S trả trước 325.500.000 đồng, Công ty C tài trợ vốn là 604.500.000 đồng. Hàng tháng, Công ty S phải thanh toán cho Công ty C tiền thuê bao gồm một phần vốn gốc và khoản tiền lãi được tính trên dư nợ giảm dần cho đến khi trả đủ số tiền vốn gốc mà Công ty C đã tài trợ cùng các khoản lãi theo Hợp đồng thuê. Trước khi Công ty S trả hết toàn bộ vốn gốc cùng các khoản lãi, Công ty C vẫn là chủ sở hữu của Tài sản thuê và là người đứng tên trên toàn bộ các hóa đơn, chứng từ, các giấy tờ pháp lý khác liên quan đến quyền sở hữu đối với Tài sản thuê. Căn cứ theo các quy định pháp luật hiện hành và Điều 26 của Hợp đồng thuê, nếu Công ty S vi phạm nghĩa vụ thanh toán Tiền thuê, hay vi phạm bất cứ một điều khoản hoặc điều kiện nào của Hợp đồng thuê, hay bị mất khả năng thanh toán, Công ty C đều có quyền chấm dứt Hợp đồng thuê trước thời hạn, thu hồi Tài sản thuê và yêu cầu Công ty S bồi thường thiệt hại (nếu có).

Thời hạn thuê của Hợp đồng thuê là 36 tháng, kể từ ngày 29/10/2018.

Lãi suất thuê theo Hợp đồng thuê được quy định cụ thể tại Thông báo bắt đầu thuê mà Công ty C đã phát hành và tuân thủ đúng quy định pháp luật về lãi suất áp dụng cho hoạt động thuê tài chính tại Việt Nam.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng thuê, Công ty S thường xuyên thanh toán không đúng hạn, mặc dù Công ty C đã nhiều lần liên lạc cũng như làm việc trực tiếp với Công ty S để yêu cầu thanh toán. Do Công ty S đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ thanh toán tiền thuê quy định tại Điều 26 của Hợp đồng thuê nên vào ngày 04/12/2020, Công ty C đã phát hành Thông báo chấm dứt Hợp đồng thuê và thu hồi Tài sản thuê, yêu cầu

Công ty S thanh toán tổng số tiền còn thiếu theo Hợp đồng thuê tính đến ngày 08/12/2020 (ngày chính thức chấm dứt Hợp đồng thuê) là 274.839.495 đồng (hai trăm bảy mươi bốn triệu tám trăm ba mươi chín nghìn bốn trăm chín mươi lăm đồng).

Sau đó, Công ty C đã nhiều lần liên hệ với Công ty S để yêu cầu thanh toán các khoản tiền thuê còn nợ. Tuy nhiên, phía Công ty S vẫn chưa thanh toán hết số tiền thuê còn nợ cho Công ty C. Ngày 24/12/2020, Công ty C phát hành Thư yêu cầu thanh toán về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thanh toán tiền thuê để yêu cầu Ông Nguyễn Xuân Đ, ông Nguyễn Xuân P và bà Nguyễn Ngọc Anh T thanh toán theo nội dung Thư bảo lãnh cá nhân đã ký nhưng đến nay Ông Nguyễn Xuân Đ, ông Nguyễn Xuân P và bà Nguyễn Ngọc Anh T vẫn chưa thanh toán số tiền mà Công ty S còn nợ Công ty C. Vì vậy, Công ty C khởi kiện vụ án ra Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, yêu cầu giải quyết những nội dung sau:

Buộc Công ty S thanh toán cho Công ty C số tiền thuê mà Công ty S còn nợ tính đến ngày 09/08/2022 là 317.856.769 đồng (ba trăm mười bảy triệu tám trăm năm mươi sáu ngàn bảy trăm sáu mươi chín đồng). Trong đó bao gồm:

Nợ gốc là 234.773.012 đồng.

Nợ lãi trong hạn tính đến ngày 08/12/2020 là 40.066.483 đồng.

Nợ lãi chậm thanh toán từ ngày 09/12/2020 đến 09/08/2022 là 43.017.274 đồng.

Buộc Công ty S thanh toán cho Công ty C tiền lãi chậm thanh toán phát sinh từ ngày 10/08/2022 tính trên nợ gốc với mức lãi suất quy định tại Hợp đồng thuê cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

Trường hợp thanh toán không đầy đủ số nợ nêu trên, buộc Công ty S giao trả Tài sản thuê là 02 Máy đèn nhựa PVC để Công ty C xử lý thu hồi nợ.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý Tài sản thuê không đủ thanh toán các khoản nợ của Công ty S với Công ty C thì buộc Công ty S tiếp tục thanh toán số tiền thuê còn nợ.

Trường hợp Công ty S không thanh toán được số tiền thuê còn nợ, buộc Ông Nguyễn Xuân Đ, ông Nguyễn Xuân P và bà Nguyễn Ngọc Anh T thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty C theo nội dung Thư bảo lãnh cá nhân đã ký cho đến khi thanh toán hết toàn bộ số tiền thuê còn nợ.

Tại phiên Tòa, Ông Tiêu Quang L đại diện cho Công ty C rút yêu cầu xử lý tài sản thuê là 02 Máy đèn nhựa PVC, chỉ yêu cầu Công ty S trả tiền nợ còn thiếu và lãi như trên.

Công ty TNHH S, Ông Nguyễn Xuân Đ, bà Nguyễn Ngọc Anh T, ông Nguyễn Xuân P mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng Công ty TNHH S không cử người tham gia tố tụng, Ông Nguyễn Xuân Đ, bà Nguyễn Ngọc Anh T, ông Nguyễn Xuân P vắng mặt không lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến

trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

[1.1] Công ty C khởi kiện tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính với Công ty S. Đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại giữa hai pháp nhân có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Bị đơn có trụ sở tại địa bàn huyện B, nên theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B.

[2] Theo Thư bảo lãnh cá nhân ngày 25/09/2019, bản sao CMND thì ông Nguyễn Xuân P cung cấp thông tin địa chỉ tại số Đường Đ, phường S, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; căn cứ Điều 5, Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/05/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông P tại địa chỉ Đường Đ, phường S, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh để giải quyết vụ án.

[3] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty S, Ông Nguyễn Xuân Đ, bà Nguyễn Ngọc Anh T, ông Nguyễn Xuân P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về áp dụng pháp luật: Do giao dịch dân sự giữa Công ty C và Công ty S được thực hiện vào thời điểm Bộ luật dân sự năm 2015 và Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 có hiệu lực nên áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 và Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 để giải quyết vụ án.

[5] Về yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[6] Tòa án triệu tập Công ty S, Ông Nguyễn Xuân Đ, bà Nguyễn Ngọc Anh T, ông Nguyễn Xuân P đến Tòa án để ghi nhận ý kiến, giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa giải quyết vụ án tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính với Công ty C nhưng Công ty S không cử người tham gia tố tụng để giải quyết vụ án, Ông Nguyễn Xuân Đ, bà Nguyễn Ngọc Anh T, ông Nguyễn Xuân P không đến Tòa. Vì vậy, Công ty S, Ông Nguyễn Xuân Đ, bà Nguyễn Ngọc Anh T, ông Nguyễn Xuân P đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình và phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Mặt khác, theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng*

minh”. Do đó, Hội đồng xét xử lấy yêu cầu khởi kiện, lời trình bày và các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp làm chứng cứ giải quyết vụ án.

[7] Căn cứ vào hợp đồng cho thuê tài chính số: C180915302 ngày 25/09/2018, phụ lục số 01, lời trình bày của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, các tài liệu có trong hồ sơ và tại phiên tòa hôm nay thì đủ cơ sở xác định Công ty C cấp tín dụng bằng hình thức cho thuê tài chính là 02 máy đèn nhựa PVC cho Công ty S với giá là 1.023.000.000 đồng (đã bao gồm thuế GTGT), giá trị của tài sản thuê là 930.000.000 đồng, Công ty S trả trước 325.500.000 đồng, Công ty C tài trợ vốn là 604.500.000 đồng, hàng tháng Công ty S trả cho Công ty C tiền thuê bao gồm một phần vốn gốc và khoản tiền lãi được tính trên dư nợ giảm dần cho đến khi trả đủ số tiền vốn gốc mà Công ty C đã tài trợ cùng các khoản lãi theo Hợp đồng thuê, lãi suất thuê và lãi thuê theo thỏa thuận tại phần 3 của Phụ lục số 01 và được quy định cụ thể tại Thông báo bắt đầu thuê, thời hạn thuê là 36 tháng kể từ ngày 29/10/2018,

[8] Để đảm bảo cho hợp đồng cho thuê tài chính số: C180915302 ngày 25/09/2018 thì Ông Nguyễn Xuân Đ, ông Nguyễn Xuân P, bà Nguyễn Ngọc Anh T có ký thư bảo lãnh cá nhân ngày 25/09/2018 đồng ý trả nợ thay cho Công ty S khi Công ty S không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ.

[9] Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty S đã trả cho Công ty C số tiền thuê là 452.800.386 đồng bằng hình thức chuyển khoản, đến ngày 25/08/2020 thì Công ty S không trả tiền thuê nữa. Theo thỏa thuận của các bên tại hợp đồng thuê tài chính thì Công ty S đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ thanh toán tiền thuê quy định tại Điều 26 của Hợp đồng thuê nên vào ngày 04/12/2020, Công ty C đã phát hành Thông báo chấm dứt Hợp đồng thuê và thu hồi Tài sản thuê, yêu cầu Công ty S thanh toán tổng số tiền còn thiếu theo Hợp đồng thuê tính đến ngày 08/12/2020 (ngày chuyển nợ quá hạn) là 274.839.495 đồng (hai trăm bảy mươi bốn triệu tám trăm ba mươi chín nghìn bốn trăm chín mươi lăm đồng) trong đó nợ gốc 234.773.012 đồng, lãi trong hạn 40.066.483 đồng.

[10] Căn cứ vào hợp đồng cho thuê tài chính số: C180915302 ngày 25/09/2018, phụ lục số 01, bảng kê chi tiết tính lãi các khoản phải thu của Công ty S tại phiên tòa hôm nay thì việc Công ty C yêu cầu Công ty S trả số tiền thuê tính đến ngày 09/8/2022 là 317.856.769 đồng, trong đó nợ gốc 234.773.012 đồng, lãi trong hạn 40.066.483 đồng, lãi chậm thanh toán tính đến 09/08/2022 là 43.017.274 đồng, cộng với tiền lãi phát sinh tính từ ngày 10/8/2022 cho đến khi Công ty S thanh toán xong các khoản nợ theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho thuê tài chính số: C180915302 ngày 25/09/2018, phụ lục số 01 đã ký giữa các bên là có cơ sở chấp nhận theo các Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

[11] Xét yêu cầu Ông Nguyễn Xuân Đ, ông Nguyễn Xuân P, bà Nguyễn Ngọc Anh T có trách nhiệm liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thư bảo lãnh cá nhân ngày 25/09/2018:

Tại thư bảo lãnh cá nhân ngày 25/09/2018 thể hiện: “Bằng thư này, Bên bảo lãnh đồng ý rằng, trong trường hợp bên thuê không thể thực hiện được bất kỳ nghĩa vụ thanh toán nào theo hợp đồng thuê vì bất cứ lý do gì, bên bảo lãnh phải thực hiện (các) nghĩa vụ này theo yêu cầu lần đầu bằng văn bản của bên cho thuê mà bên cho thuê không cần phải

thu hồi và xử lý tài sản thuê theo hợp đồng thuê, không cần phải khởi kiện hay tiến hành các thủ tục tố tụng đối với bên thuê cũng như bên bảo lãnh và cũng không phải xuất trình bất kỳ một tài liệu hoặc bằng chứng nào cho bên bảo lãnh.

Các nghĩa vụ của bên bảo lãnh ghi nhận trong thư bảo lãnh này sẽ là tuyệt đối và vô điều kiện và sẽ liên tục duy trì đầy đủ hiệu lực cũng như ảnh hưởng và sẽ không bị giảm bớt, hạn chế hay chấm dứt vì bất kỳ lý do nào khi mà bên thuê còn nợ bên cho thuê bất kỳ khoản tiền nào như được quy định ở trên và khi không có sự chấp thuận trước bằng văn bản của bên cho thuê, thư bảo lãnh này sẽ không bị hủy bỏ bởi bên thuê bằng bất cứ cách nào”.

Như vậy nội dung của thư bảo lãnh cá nhân ngày 25/09/2018 đã qui định cụ thể phạm vi bảo lãnh và trách nhiệm bảo lãnh. Nội dung này phù hợp với Điều 335, 336, 338 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về biện pháp đảm bảo bằng bảo lãnh là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[12] Ông Tiêu Quang L đại diện theo ủy quyền của Công ty C rút một phần yêu cầu khởi kiện: buộc Công ty S giao trả tài sản thuê là 02 máy đèn nhựa PVC theo hợp đồng thuê tài chính số: C180915302 ngày 25/09/2018 để Công ty C xử lý thu hồi nợ, việc này phù hợp theo quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[13] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[14] Từ những lý lẽ đã viện dẫn; Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cho thuê tài chính TNHH C và buộc Công ty TNHH S có trách nhiệm trả cho Công ty cho thuê tài chính TNHH C số tiền nợ gốc, lãi trong hạn, lãi chậm thanh toán theo hợp đồng cho thuê tài chính số: C180915302 ngày 25/09/2018, phụ lục số 01, thư bảo lãnh cá nhân ngày 25/09/2018 để thu hồi nợ.

[15] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải trả theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 335, 336, 338, 339, 342 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Áp dụng Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Áp dụng Điều 5, Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/05/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty cho thuê tài chính TNHH C về việc yêu cầu Công ty TNHH Sgiao trả tài sản thuê là 02 máy đèn nhựa PVC theo hợp đồng thuê tài chính số: C180915302 ngày 25/09/2018 để Công ty cho thuê tài chính TNHH C xử lý thu hồi nợ.

2. Chấp nhận yêu cầu của Công ty cho thuê tài chính TNHH C:

2.1. Buộc Công ty TNHH S có trách nhiệm trả cho Công ty cho thuê tài chính TNHH C số tiền tính đến ngày 09/08/2022 là 317.856.769 đồng (ba trăm mười bảy triệu tám trăm năm mươi sáu ngàn bảy trăm sáu mươi chín đồng), trong đó vốn gốc là 234.773.012 đồng, lãi trong hạn là 40.066.483 đồng, lãi chậm thanh toán là 43.017.274 đồng.

2.2. Kể từ ngày 10/08/2022, Công ty TNHH S còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi chậm thanh toán của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại hợp đồng cho thuê tài chính số: C180915302 ngày 25/09/2018, phụ lục số 01 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc nêu trên.

2.3. Trường hợp Công ty TNHH S không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả tiền nêu trên thì Công ty cho thuê tài chính TNHH C được quyền yêu cầu Ông Nguyễn Xuân Đ, ông Nguyễn Xuân P, bà Nguyễn Ngọc Anh T có trách nhiệm liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi hoàn tất khoản nợ của Công ty TNHH S đối với Công ty cho thuê tài chính TNHH C theo thư bảo lãnh cá nhân ngày 25/09/2018.

3. Về án phí:

3.1. Công ty TNHH S chịu 15.892.838 đồng (mười lăm triệu tám trăm chín mươi hai ngàn tám trăm ba mươi tám đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

3.2. Hoàn lại cho Công ty cho thuê tài chính TNHH C số tiền tạm ứng án phí đã nộp 6.898.176 đồng (sáu triệu tám trăm chín mươi tám ngàn một trăm bảy mươi sáu đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0080976 ngày 08 tháng 02 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên

án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Văn Lưới